TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HC-PT

Ngày: 02/7/2018

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Võ Ngọc Thông

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thạnh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Hôm nay, ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 36/2017/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2017 về "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2017/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36D/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện*: Ông Lê Văn C**; Có mặt.

Địa chỉ: số 157 đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Ông Phan Thanh H- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. ***Người bị kiện:*** **Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam.**

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Công D - Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn B - Phó Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam; theo giấy ủy quyền số 855/GUQ-UBND ngày 24/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Chí Th - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người người khởi kiện tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Nguyên ông bà tổ tiên của ông Lê Văn C trước đây sống, làm ăn và định cư trên diện tích đất 2 sào 5 tấc (*khoảng 1.050m^2)* tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Nguồn gốc đất có trích lục của chế độ cũ giao cho ông nội của ông C là ông Lê N sử dụng. Sau giải phóng, gia đình ông C tiếp tục sử dụng để sản xuất nông nghiệp, trồng lúa, trong đó phần nhiều là diện tích đất ruộng, phần còn lại là 60m^2 có 02 ngôi mộ của ông bà xây cất kiên cố, quy mô thành khuôn viên từ lâu đời.

Năm 2016, UBND huyện D có chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Khu đô thị phố chợ N, huyện D. Tuy nhiên, UBND huyện không thông báo thu hồi đất, không có quyết định thu hồi đất cũng như không ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Cuối tháng 10/2016, ông C nhận được Thông báo số 56/TB-CNXD ngày 14-10-2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện D về việc niêm yết dự thảo phương án chi tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng *(đợt 2)* dự án mở rộng Khu đô thị phố chợ N mới, huyện D kèm theo thông báo này là dự thảo Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của các hộ dân trong vùng dự án. Trong đó hộ ông Lê Văn C được bồi thường 54.182.231 đồng cho 02 ngôi mộ trên đất, còn lại không bồi thường hỗ trợ về đất. UBND huyện D cho rằng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7 đã thu hồi đợt một và do UBND thị trấn N quản lý.

Ông C đã liên tục khiếu nại. Tại Thông báo số 330/TB-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam đã yêu cầu ông khiếu nại tại UBND huyện D và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện D, tuy nhiên đến nay UBND huyện D vẫn không chịu giải quyết.

Vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện D ban hành

quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 1.050m^2 (thực tế đo đạc 731m^2) thuộc thửa đất số 337, tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Văn C.

Tại văn bản số 867/UBND-TNMT ngày 25-7-2017 của UBND huyện D và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Căn cứ Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 13-11-2015 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng khu đô thị phố chợ N, thị trấn N, huyện D; Thông báo số 130/TB-UBND ngày 18-9-2015 của UBND huyện D về thông báo thu hồi đất để thực hiện đầu tư mở rộng dự án khu phố chợ N do Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng X làm chủ đầu tư tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, trong đó có thu hồi thửa đất lúa mà ông Lê Văn C đang khởi kiện là thửa đất số 7, thuộc mảnh trích đo địa chính số 7, diện tích 731m^2 *(thửa số 337, thuộc tờ bản đồ địa chính số 26)*.

Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND thị trấn N thì thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, diện tích 731m^2, loại đất lúa do UBND thị trấn N quản lý.

Năm 2015, trong quá trình kiểm kê, xác lập biên bản kiểm kê về đất, tài sản có trên đất của các hộ dân bị ảnh hưởng để thực hiện dự án mở rộng khu đô thị phố chợ N thì hiện trạng thửa đất nêu trên bỏ hoang, không có cây trồng, hoa màu trên đất. Vì vậy, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện D cùng với các cơ quan chức năng có liên quan, chủ đầu tư dự án không xác lập biên bản kiểm kê tài sản trên đất cho hộ dân nào hết.

Ông Lê Văn C không có kê khai đăng ký, không quản lý sử dụng cũng như không trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với thửa đất trên và ông C không có hộ khẩu tại địa phương nơi có đất bị thu hồi, vì vậy việc ông C yêu cầu UBND huyện D ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26 cho ông là không có cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm:

Ông C thừa kế đất của cha ông để lại có giấy tờ của chế độ cũ còn hiệu lực, theo quy định của Điều 99 và Điều 100 Luật đất đai 2013 thì không cần phải chứng minh quá trình sử dụng. Địa thế khu đất không thuận lợi nên ông C không sử dụng và không đóng thuế và cũng không bị xử bị lập biên bản vi phạm hành chính. Trước đây, Hợp tác xã cũng không giao cho ai, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện D ban hành quyết định bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất thửa 337 cho ông C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2017/HC-ST ngày 11 tháng 9

năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 77, Điều 101 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn C đối với diện tích đất 731m^2, thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa, tọa lạc tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2017, người khởi kiện ông Lê Văn C có đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2017/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, với lý do: Bản án sơ thẩm không xem xét khách quan và toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về nguồn gốc đất Ông được cha, mẹ để lại và các tài sản hiện còn trên đất nên bác đơn khởi kiện là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ông; Ông là người cao tuổi nhưng buộc Ông phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, Ông trình bày: Diện tích đất 1.050m^2 là của ông nội Ông (Lê N) mua lại có giấy tờ đầy đủ, sau khi ông nội chết giao lại cho cha ông là Lê Ngọc Đông quản lý sử dụng, mặc dù Ông không ở tại địa phương nhưng diện tích đất trên Ông giao cho người bà con sử dụng canh tác, sau vì đất có sỏi đá không canh tác được, nhưng hàng năm Ông thường về dãy cỏ hương khói mộ phần; trên diện tích đất này có hai ngôi mộ của ông cố Ông xây dựng kiên cố từ lâu đời, Ông cho rằng đất là của Ông do không hiểu về pháp luật nên Ông không kê khai đăng ký với cơ quan Nhà nước; mặt khác UBND Thị trấn N cũng không yêu cầu Ông kê khai đăng ký, việc này có lỗi của Ủy ban nhân dân chứ không phải do Ông. Ông đề nghị UBND huyện D phải có quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất cho Ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn C trình bày bằng Văn bản cho rằng: Nguồn gốc đất ông C kiện do ông nội là ông Lê N mua lại từ năm 1939, trên diện tích đất có hai ngôi mộ được xây dựng được xây dựng kiên cố từ lâu đời với diện tích xây dưng 60m^2; từ năm 1939 đến khi sau 1975 gia đình ông Lê Văn C quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất. Mặc dù ông C đã đi vào thành phố T sinh sống nhưng vẫn thường xuyên về trông coi mồ mả Ông, Bà và sử dụng diện tích đất trên, đề nghị tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ông C và miễn toàn bộ án phí cho Ông.

Quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa như sau: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng Người bị kiện là UBND huyện D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ. Về nội dung: Diện tích đất ông C khởi kiện thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa diện tích đo thực tế hiện nay 731m^2 có nguồn gốc của ông Lê N có giấy tờ chế độ cũ hợp pháp cấp, với diện tích 1.050m^2 sau khi mở đường Quốc lộ 1A diện tích hiện còn 731m^2; diện tích đất này chưa được Nhà nước giao cho ai sử dụng, trên đất có hai ngôi mộ của gia đình ông C; gia đình ông C liên tục sử dụng toàn bộ diện tích đất trên, do vậy yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C buộc UBND huyện D ban hành các quyết định thu đất và bồi thường về đất đối với diện tích 731m2 đất cho gia đình ông C.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa, có diện tích 731m^2 tại khối phố L, thị trấn N, huyện D do UBND Thị trấn N kê khai và đăng ký trong Sổ mục kê, quyển số 2, trang 89, được Sở địa chính tỉnh Quảng Nam lập ngày 28/4/1999; đến năm 2015, thực hiện dự án mở rộng khu phố chợ N, tại thời điểm này thửa đất trên bỏ hoang không có người sản xuất, toàn bộ diện tích đất trên bị thu hồi. Theo Ủy ban nhân dân thị trấn N và Ủy ban nhân dân huyện D thì thửa đất trên do bị lũ lụt, sói lỡ không sản xuất được, nên chưa giao cho ai sử dụng theo Nghị định số 299/CP và Nghị định 64/CP của Chính phủ, toàn bộ diện tích đất trên thuộc đất công ích do UBND thị trấn N quản lý. Ông Lê Văn C được bồi thường 02 ngôi mộ trên đất với số tiền 54.182.231 đồng; về đất thì không có quyết định thu hồi và không được bồi thường, hỗ trợ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo ông Lê Văn C thấy: Nguồn gốc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, có diện tích 731m^2 trên là của ông Trương Ngọc S bán đoạn cho ông Lê N (là ông nội của ông Lê Văn C) đã trước bạ sang tên được Sở địa chính tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp địa bộ ngày 24/11/1939 (ông C còn lưu giữ bản chính, BL 18, 19), với diện tích hai sào 5 tấc (1.050m^2) và có vị trí họa đồ ranh giới cụ thể; sau khi ông Lê N mất giao lại cho ông Lê Ngọc Đ (là cha ông Lê Văn C) quản lý và sử dụng. Ủy ban nhân dân huyện D cho rằng diện tích đất trên thuộc

Hợp tác xã D1 quản lý từ năm 1976 nhưng không có gì để chứng minh, UBND thị trấn N kê khai vào sổ mục năm 1999 nhưng cũng không giao cho ai quản lý sử dụng; theo các lời khai của những người dân địa phương thì thực tế sau năm 1975 gia đình ông C vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đất trên để trồng lúa và hoa màu, sau khi diện tích đất bị xói lở do mưa lũ thì không sản xuất nữa nhưng vẫn quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất vì trên diện tích đất này có hai ngôi mộ cao niên của gia đình ông C xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép từ trước năm 1975, với diện tích mộ phần 50,3m^2 và khuôn viên diện tích đất theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật đất đai 2013 thì ông Lê Văn C đủ điều kiện được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC phần II, mục 1 quy định thì quyền sử dụng diện tích đất trên là di sản thừa kế của gia đình ông Lê Văn C. Việc Ủy ban nhân dân huyện D cho rằng gia đình ông C không kê khai diện tích đất trên nên xác định toàn bộ diện tích đất trên là đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn N quản lý, do vậy không có quyết định thu hồi và bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình ông C là không đúng quy định Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tôi cao và khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

[3] Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của Ông C về việc, yêu cầu UBND huyện D ban hành quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 731m^2 thuộc thửa đất 337, tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam không đúng pháp luật. Do vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C buộc UBND huyện D ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hổ trợ về đất khi thu hồi diện tích đất trên theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu xem xét án phí hành chính sơ thẩm: Ông C sinh năm 1954 là người cao tuổi, lẽ ra phải miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông C theo quy định Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án sơ thẩm buộc ông C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là không đúng. Tuy nhiên, do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông C được chấp nhận, nên ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn C tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 74, khoản 1 Điều 75, Điều 77, Điều 100 Luật đất đai 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C,

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 70/2017/HC-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C;

Buộc Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn C đối với diện tích đất 731m^2, thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa, tọa lạc tại khối L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0000005 ngày 13/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn